

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/DS-ST.

Ngày: 09-8-2023

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Chí Tâm

Ông Võ Văn Thỏ

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong các ngày 02/8/2023 và ngày 09/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2023/QĐXXST – DS ngày 20 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần H, sinh năm 1965.

Địa chỉ thường trú: Khu vực E, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp L, xã P, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm D, sinh năm 1991 (Có mặt) là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền lập ngày 14/6/2022.

Địa chỉ liên hệ: Khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Lê T, sinh năm 1981 (Có mặt, vắng mặt khi tuyên án)

Địa chỉ: Khóm V, phường R, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần S, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm V, phường R, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 15/6/2022, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa người đại diện cho nguyên đơn bà Phạm D trình bày:

Bà Trần H trước đây đi kiếm việc làm khắp nơi, gặp ông Lê T thì ông T nói ở Ngã Năm có việc làm nên bà H đi xuống Ngã Năm để tìm việc làm, xuống ở Ngã Năm từ tháng 01/2018 đến khoảng tháng 7/2018 thì quay trở về thị xã L, tỉnh Hậu Giang sống đến nay. Từ khoảng tháng 3/2018 đến tháng 7/2018 thì bà H có cho ông T vay vàng và tiền nhiều lần, nhưng bà H không nhớ rõ khoảng thời gian nào, đầu tiên là cho vay số vàng 20 chỉ, sau đó cho vay 02 chỉ, lần thứ 3 cho vay số tiền 50.000.000 đồng, lần thứ tư là cho vay số tiền 30.000.000 đồng. Lúc cho vay thì ông T không có làm biên nhận do tin tưởng ông T giới thiệu việc làm, rồi ông T nói ông T mua đất, mượn thêm để làm giấy tờ mua đất,...sau đó trước khi bà H về Long Mỹ sống thì có kêu ông T làm biên nhận để bà H giữ, biên nhận ông T tự viết có nội dung, thời gian vay tiền, vay vàng là do ông T tự ghi biên nhận chứ không có đúng thời gian cho vay, mượn tiền và vàng, thời gian thì như bà H trình bày cho vay chỉ trong vài tháng bà H sống ở Ngã Năm nhưng ông T đã làm biên nhận cho bà H giữ, ghi thời gian vay mượn cụ thể theo các biên nhận như sau:

+ Theo giấy “Hợp đồng vay tiền” đề ngày 24/9/2017 âm lịch, do ông T tự tay viết và ký tên có nội dung vào ngày 24/9/2017 âm lịch (dương lịch ngày 12/11/2017) ông Lê T vay của bà H số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 3%/tháng và trả lãi hàng tháng, mục đích vay tiền là ông T nói để mua đất ruộng canh tác và chi tiêu trong gia đình, ông T hứa khi nào bà H có yêu cầu đòi lại thì trả.

+ Theo biên nhận không đề ngày tháng năm ông T tự ghi và ký tên đưa cho bà H giữ có nội dung:

++ Vào ngày 06/02/2018 âm lịch, ông Lê T có vay của bà H 20 chỉ vàng 9999, cũng nói dùng để mua đất ruộng canh tác, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng.

++ Ngày 20/02/2018 âm lịch, ông T có vay tiền của bà H 20.000.000 đồng, nói dùng để làm giấy tờ đất và chi tiêu trong gia đình, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng.

++ Vào ngày 01/9/2018 âm lịch (dương lịch ngày 09/10/2018), ông Lê T có vay của bà H số tiền 10.000.000 đồng, ông T cũng nói để chi tiêu trong gia đình, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng.

++ Vào ngày 12/10/2018 âm lịch (dương lịch ngày 09/10/2018), ông Lê T có vay của bà H 02 chỉ vàng 9999, cũng nói dùng để làm giấy tờ đất và chi tiêu trong gia đình, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng.

Ông T hứa khi nào bà H có yêu cầu đòi lại thì ông T sẽ trả. Từ lúc vay đến nay thì ông T không có đóng lãi suất cho bà H.

Biên nhận do ông T tự viết và ký cùng một ngày, viết xong hai biên nhận thì ông T đưa cho bà H giữ. Còn việc ông T cho rằng sống chung với nhau như vợ chồng với bà H và hợp đồng vay tiền mà bà H làm căn cứ để yêu cầu ông T trả tiền là viết không để cho ông T đi đòi nợ của người khác thì bà H khẳng định không có.

Nay bà Trần H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê T. Buộc ông Lê T cùng vợ là bà Trần S trả số tiền 80 triệu đồng, lãi suất tính từ ngày 09/10/2018 đến ngày xét xử 02/8/2023 là 57 tháng 24 ngày, mức lãi suất 1,66%/tháng = 76.758.000 đồng; yêu cầu vợ chồng ông T và bà S trả số vàng 22 chỉ vàng 24k.

2/ Tại biên bản hòa giải lập ngày 05/12/2022 cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Lê T trình bày:

Ông và bà Trần S là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định, kết hôn đã 24 năm nhưng đã ly thân với nhau 10 năm nay không còn sống chung. Ông hiện nay đang sống tại ấp T, xã V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang, số điện thoại liên lạc Địa chỉ ở Khóm V, phường R, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng thì ông chỉ tới lui để làm ruộng nuôi con. Khi ông và bà S ly thân với nhau thì ông có sống chung như vợ chồng với bà Trần H khoảng 07 năm, từ năm 2013 đến năm 2020 thì không còn sống chung với nhau nữa. Quá trình sống chung thì ông và bà H cũng đã mua đất và cất nhà ở ngay cầu T, thị xã L, nhưng đất do bà H đứng tên. Ngoài ra thì anh em của ông còn giúp đỡ bà H để nhờ Tòa án thị xã Long Mỹ giải quyết cho bà H năm công đất ruộng. Ông và bà H sống chung nhà trọ với nhau 05 năm bên Long Mỹ, sống chung nhà trọ ở bên Ngã Năm được 16 tháng sau đó về sống nhà trọ ở Long Mỹ khoảng 05 tháng nữa. Khi ông và bà H chung sống với nhau có hùn nhau cho vay lấy lời, một năm đầu cho vay làm ăn rất suông sẻ, bước qua đầu năm thứ hai thì gặp khó khăn, một số người vay tiền lại không trả tiền vay và bỏ đi thành phố. Do đó, bà H mới tính cách là kêu ông viết hợp đồng vay tiền là ông vay tiền, vàng của bà H để lấy biên nhận này đến nhà của người vay tiền cho người ta xem để kêu họ trả tiền vay lại. Hợp đồng vay tiền viết tay lập ngày 24/9/2017, thể hiện ông vay của bà H số tiền vay 50.000.000 đồng và Hợp đồng vay tiền viết tay năm 2018 có nhiều khoản vay, thể hiện tổng cộng lại ông vay của bà H 22 chỉ vàng và 30 triệu đồng đúng là do chính ông tự viết và ký tên chỗ người nhận tiền, còn chữ “Cộng hòa, xã hội, chủ nghĩa, Việt Nam; Độc lập – Tự do – Hạnh phúc” là do bà Hồng tự viết. Hai biên nhận này được biết cùng một thời điểm trong một ngày tại nhà trọ bà H ở Ngã Năm, khi viết biên nhận thì ông viết biên nhận đến 07 tờ, ngày tháng năm ghi trong biên nhận là do tự bà H kêu ông ghi như vậy để đi đòi tiền. Sau khi ông viết biên nhận thì bà H giữ biên nhận, không đưa biên nhận cho ông để đi đòi nợ nên ông có dẫn bà H đến nhà một số người thiếu nợ để nói là ông vay tiền của bà H để cho vay lại cho người ta trả tiền nhưng chỉ có gặp được một người hỏi nợ nhưng họ lại nói không biết bà H là ai. Đây là hai biên nhận không để ông dùng đi đòi nợ chứ thật chất không có việc vay mượn tiền gì trong đây. Bà S vợ ông trên danh nghĩa cũng không có liên quan gì đến việc này, ông không có sử dụng tiền này để chi tiêu trong gia đình. Ông có từng mượn của bà H 01 cây (10 chỉ) vàng, bán được số tiền 37.000.000 đồng nhưng ông đã trả cho bà H hai lần đến 39.000.000 đồng.

Ông không có thiếu nợ tiền và vàng gì của bà H hết nên ông không đồng ý trả tiền theo đơn kiện của bà H, ông yêu cầu có mặt bà H để nói cho rõ sự việc này. Sự việc ông và bà H không còn sống chung với nhau, giải quyết vụ tiền bạc

có cự cãi với nhau, nên khi ông đến nhà bà H là công an xã L, thị xã L không cho ông đến nhà bà H, công an nói khi nào ông muốn đến gặp bà H phải có sự cho phép của công an nên từ lúc bà H khởi kiện đến nay ông không có đến nhà để gặp bà H.

Ông xác nhận là tổ hòa giải Khóm V, phường R, thị xã N có mời ông đến dự hòa giải theo đơn đòi tiền của bà H, trưởng khóm V có mời ông lúc 09h sáng nhưng do ông đang đi ruộng nên ông kêu chờ, ông chạy về lúc 09h30 thì bà H đã bỏ đi về, không chờ ông để trình bày sự việc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà S.

[2] Nguyên đơn bà Trần H yêu cầu bị đơn ông Lê T và bà Trần S cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn vay 80.000.000 đồng và số vàng 22 chỉ vàng 24k cùng với lãi suất trên số tiền vay là 76.580.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án hai biên nhận được bị đơn viết tay, cụ thể biên nhận lập ngày 24/9/2017 có nội dung ông T có vay của bà H số tiền 50.000.000 đồng; biên nhận thứ hai không đề ngày tháng năm nhưng có bốn mốc thời gian thể hiện ông T vay mượn tiền vàng của bà H tổng cộng 22 chỉ vàng 24k và 30.000.000 đồng. Bị đơn ông T thừa nhận hai biên nhận nguyên đơn cung cấp là do ông T viết và ký tên đưa cho bà H giữ, các bên cũng thừa nhận hai biên nhận này được lập cùng một thời điểm, ngày tháng năm trong biên nhận không đúng với ngày tháng năm giao nhận tiền, vàng. Nên đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Bị đơn ông T cho rằng hai biên nhận này là biên nhận được lập không để bị đơn ông T dùng để đi đòi nợ những người mà ông T cho hỏi nợ còn thiếu không trả nhưng biên nhận bản chính lại do bà H giữ không phải ông T giữ; ngoài ra ông T cho rằng thời gian làm biên nhận là do ông T và bà H đang sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không được nguyên đơn bà H thừa nhận, ông T ngoài lời trình bày ra không có chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của ông là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[2.3] Bên cạnh đó hai biên nhận đúng là viết hai khoảng thời gian khác nhau nhưng tại phiên tòa bị đơn ông T trình bày ông viết hai biên nhận ngày 24/9/2017 và biên nhận năm 2018 là cùng một khoảng thời gian trong cùng một ngày như vậy là phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn bà H cho rằng khi cho vay tiền

vàng thì không có làm biên nhận, sau đó ông T làm lại hai biên nhận, thời gian trong hai biên nhận do ông T tự ghi, còn nội dung hỏi vàng và tiền là đúng.

[2.4] Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xác định bị đơn ông T có hỏi vay tiền của bà H tổng cộng 80.000.000 đồng và hỏi vay vàng của bà H là 22 chỉ vàng 24k theo như các biên nhận bà H đã cung cấp cho Tòa án được ông T thừa nhận. Theo hai biên nhận này đều ghi bà H cần sử dụng, yêu cầu ông T trả lại thì ông T phải trả tiền, vàng cho bà H. Bà H đã yêu cầu ông T trả lại trước khi khởi kiện thể hiện qua việc bà H có yêu cầu tổ hòa giải cơ sở Khóm V, phường R, thị xã N tiến hành hòa giải để yêu cầu ông T trả lại nhưng ông T đến thời điểm này chưa trả tiền, vàng lại cho bà H là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nên bà H khởi kiện yêu cầu ông T hoàn trả số tiền vay và vàng là có căn cứ theo Điều 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Xét về lãi suất: Mặc dù biên nhận vay tiền và vàng không đề ngày tháng năm, nguyên đơn trình bày yêu cầu lãi suất từ ngày 09/10/2018, bị đơn ông T trình bày viết biên nhận khoảng tháng 4/2018 âm lịch. Như vậy, mốc thời gian bà H yêu cầu tính lãi suất là có lợi cho bị đơn ông T nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...”*. Trong các biên nhận đề mức lãi suất cao hơn so với quy định của pháp luật nhưng nguyên đơn bà H chỉ yêu cầu mức lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi được tính như sau: 80.000.000 đồng tính lãi từ ngày 09/10/2018 đến ngày 02/8/2023 là 57 tháng 24 ngày, lãi suất 1,66%/tháng, thành tiền 76.580.400 đồng, nguyên đơn yêu cầu lãi số tiền 76.580.000 đồng là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Xét về nghĩa vụ liên đới trả nợ của bà Trần S: tại phiên tòa bị đơn ông T không thừa nhận có sử dụng số tiền, số vàng trong hai biên nhận bà H cung cấp để đem về chi tiêu trong gia đình cùng với bà S, bà S không đồng ý nhận văn bản của Tòa án cho rằng không có liên quan gì đến vụ án này, nguyên đơn không chứng minh được đây là khoản nợ chung của ông T và bà S nên việc yêu cầu bà S cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho ông T là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí không có giá ngạch 300.000 đồng đối với yêu cầu bà S cùng chịu trách nhiệm liên đới với ông T trả nợ cho bà nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp; ông T phải chịu án phí đối với yêu cầu của bà H được chấp nhận, số tiền án phí phải chịu là 13.998.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần H về việc yêu cầu bị đơn ông Lê T có trách nhiệm trả nợ vay.

Buộc ông Lê T có trách nhiệm trả cho bà Trần H số tiền vốn vay 80.000.000 đồng, số tiền lãi suất 76.758.000 đồng, số tiền 123.200.000 đồng (tương đương giá trị 22 chỉ vàng 24k), tổng cộng 279.958.000đ (*Hai trăm bảy mươi chín triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trần H thì hàng tháng ông Lê T còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần H buộc bà Trần S có trách nhiệm liên đới cùng ông Lê T trả số tiền nợ 279.958.000đ (*Hai trăm bảy mươi chín triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

3/ Về án phí sơ thẩm:

Ông Lê T phải chịu án phí là 13.998.000đồng (*Mười ba triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn đồng*).

Bà Trần H phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.320.000 đồng (*Sáu triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002742 ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả lại cho bà Trần H số tiền 6.020.000 đồng (*Sáu triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*).

4/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng